TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 36/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Châu.

2. Bà Cù Thị Chanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: Không.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 89/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị V, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có mặt

2. *Bị đơn*: Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Đường Phan Đình G, tiểu khu 5, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị V trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Đoàn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 03/12/2003. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, chơi bời, nghiện ma túy làm cho kinh tế gia đình sa sút dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị V

và anh T sống ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đoàn Văn T.

Về con chung*:* Chị Trần Thị V khai vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Đoàn Mai L, sinh ngày 09/02/2004 và Đoàn Mai D, sinh ngày 24/7/2009. Chị V đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 500.000 đồng cho mỗi cháu, hai cháu là 1.000.000 đồng một tháng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi

Về tài sản: Chị Trần Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đoàn Văn T trình bày: Anh và chị Trần Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 03/12/2003. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên chửi mắng lẫn nhau. Anh T và chị V sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay. Nay chị V yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý vì muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái và xây dựng gia đình.

Về con chung*:* Anh Đoàn Văn T khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Đoàn Mai L, sinh ngày 09/02/2004 và Đoàn Mai D, sinh ngày 24/7/2009. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản: Anh Đoàn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Đoàn Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị V và anh Đoàn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T lại nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên chửi mắng lẫn nhau. Từ tháng 04/2017 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung và quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị V và anh T luôn tồn tại mâu thuẫn, xung đột dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng không

những không hàn gắn được mà còn trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị V và anh T ly hôn là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị V và anh Đoàn Văn T thừa nhận vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Đoàn Mai L, sinh ngày 09/02/2004 và Đoàn Mai D, sinh ngày 24/7/2009. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định hai cháu là con chung của chị V và anh T. Nguyện vọng nuôi con của anh chị là chính đáng, tuy nhiên anh T đã từng sử dụng ma túy, hiện nay đang dùng Mathadone để cai nghiện tại Trung tâm y tế huyện Hà Trung. Cả hai cháu L và D đều có nghiện vọng được ở với mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, cần thiết phải giao cả hai cháu L và D cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Mức cấp dưỡng nuôi con chị V yêu cầu là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[4]. Về tài sản: Chị Trần Thị V và anh Đoàn Văn T không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, anh Đoàn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 6; khoản 5, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị V và anh Đoàn Văn T .

2. Về con chung: Công nhận chị Trần Thị V và anh Đoàn Văn T có hai con chung, các cháu tên là Đoàn Mai L, sinh ngày 09/02/2004 và Đoàn Mai D, sinh ngày 24/7/2009. Giao hai cháu L và D cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mỗi tháng là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) cho mỗi cháu, hai cháu là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) một tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 9/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi chị V có đơn yêu cầu thi hành án phần cấp dưỡng nuôi con, nếu chưa thi hành án, anh T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị V đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004715 ngày 11/8/2017 tại Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị V đã nộp đủ án phí. Anh Đoàn Văn T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị V có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Lê Văn Hồng